TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/ 2018/ HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 5 - 2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Nam

Bà Trịnh Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường L thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Quang H trình bầy: Anh H kết hôn với chị Phạm Thị M năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L (nay là phường , thành phố Sông Công). Sau khi kết hôn, anh H về chung sống cùng chị M, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp về mặt tình cảm, gặp mặt là xảy ra cãi chửi nhau và còn một lý do khác là do vợ chồng không có khả năng có con chung, cuộc sống rất căng thẳng về tâm lý. Anh H và chị M đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/ 2016 đến nay, hiện tại anh H đang sống và làm việc tại tỉnh Bắc Kạn. Đến nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu giải quyết ly hôn chị M. Về con chung, theo anh H trong sổ hộ khẩu gia đình thể hiện có con là Nguyễn Ngọc Th - sinh năm 1996, nH đó không phải là con chung của anh H và chị M, mà cháu Th đã được chị M sinh ra trước khi anh H gặp và quen chị M vào năm 2007. Trong sổ hộ khẩu gia đình ghi cháu Th là "con" là do sau này anh H kết hôn và về sống cùng chị M đã nhận cháu Th là con, đến nay cháu Th đã trưởng thành trên 18 tuổi, đi làm

công nhân, có thu nhập ổn định. Về tài sản và công nợ chung, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị M khai về quá trình chị M và anh H kết hôn, chung sống, ly thân như anh H đã trình bầy, thực tế vợ chồng cũng có một ít mâu thuẫn. Anh H xin ly hôn, chị M không đồng ý vì theo chị M lý do mâu thuẫn chỉ là do chị M nóng tính, nói anh H mua ô tô thì đừng mang về nhà, từ đó anh H đã đi luôn không về nhà nữa. Về con chung, chị M cũng xác định là không có. Về tài sản chung, tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo các đương sự đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị M có ý kiến không đến tham gia hòa giải và đã vắng mặt, còn anh H cũng có đơn đề nghị không hòa giải, nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai. Trước khi mở phiên tòa, chị M đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị M, về con chung xác định không có, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị M; con chung không có, tài sản và nợ chung không ai yêu cầu giải quyết, không xem xét; buộc anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia và gia đình về ly hôn. Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Sông, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn là chị M vắng mặt tại phiên tòa, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh H xin ly hôn, lý do theo anh H là thực tế sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự hòa hợp về tình cảm, gặp mặt là xảy ra cãi cọ và lý do khác là do vợ chồng không có khả năng có con chung, cuộc sống chung rất căng thẳng về tâm lý, anh H đã đi khỏi gia đình và vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã hơn hai năm. Như vậy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía chị M xác định mâu thuẫn không lớn, nH trên thực tế vợ chồng đã ly thân và anh H đi khỏi nhà hơn một năm, chị M không có biện pháp hàn gắn tình cảm và cũng không hợp tác đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ. Chị M mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn là không có cơ

sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét xử cho anh Nguyễn Quang H được ly hôn chị Phạm Thị M.

Về con chung chưa thành niên, cả anh H và chị M đều xác định không có và không ai đề nghị giải quyết. Không xem xét.

Về tài sản chung, anh H và chị M không ai có yêu cầu chia; nợ chung đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh H và chị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị M và buộc anh H phải chịu án phí ly hôn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35,39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H được ly hôn chị Phạm Thị M.

2. Về con chung chưa thành niên: Không có, không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết và không có. Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010822 ngày 28/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Quang H, vắng mặt chị Phạm Thị M. Báo cho anh H biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND phường Lương Sơn;
- Chi cục THA DS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Dương Văn Phong